

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
V/v “tranh chấp dân sự về hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Rễn;
- Bà Nguyễn Thị Ngung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Trí M, sinh năm: 2003

Địa chỉ: Số XX, tổ X, ấp C, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh M là ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Hoàng A, sinh năm 1989

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Ông D, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023 của anh Lê Trí M và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Anh Lê Trí M là con của bà Nguyễn Thị Hồng Y, giữa bà Y và anh Đặng Hoàng A có qua lại làm ăn nhiều lần nên anh M cũng biết anh Hoàng A và bà N. Ngày 12/02/2023 thì bà Y có cho anh A và bà N vay số tiền là 300.000.000 đồng để trả đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 30 ngày, tính đến ngày 12/3/2023; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Tuy nhiên lúc này bà Y dự định đi nước ngoài nên bà Y cho anh T số tiền này và thống nhất với anh A, bà N là chuyển giao số nợ này cho T, xem như anh A và bà N vay tiền của anh T; anh A và bà N cũng thống nhất nên hai bên làm “Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/02/2023”.

Khi đến thời hạn trả nợ là ngày 12/3/2023 thì anh A và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình né tránh nên anh Lê Trí M khởi kiện yêu cầu giải quyết tại Tòa án.

Nay anh Lê Trí M yêu cầu anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho anh M số tiền vay là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/3/2023 (sau ngày có nghĩa vụ trả nợ) cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2023 bị đơn anh Đặng Hoàng A đã trình bày:

Anh Lê Trí M là con của bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Y và anh quen biết đã lâu, hay qua lại làm ăn, vay mượn nhiều lần. Đối với số tiền mà anh M khởi kiện thì anh xác định không trực tiếp mượn tiền của anh M mà mượn tiền của bà Y, lúc đầu anh vay bà Y là 600.000.000 đồng vào ngày 02/01/2023, mục đích vay để kinh doanh bất động sản và trả đáo hạn ngân hàng, sau đó bà Y nói chuẩn bị đi nước ngoài nên cần vốn, yêu cầu anh trả tiền, bà Y mới giới thiệu anh vay tiền của ông Lê Công T để trả cho bà Y, lúc đầu anh vay ông T 200.000.000 đồng trả cho bà Y, còn thiếu lại 400.000.000 đồng; sau đó anh vay thêm ông T là 100.000.000 đồng trả cho bà Y, nên còn thiếu lại là 300.000.000 đồng. Đến ngày 12/02/2023 thì bà Y đến gặp anh và mẹ anh là bà N chót nợ, bà Y nói bà chuẩn bị đi nước ngoài nên có thể chuyển giao số tiền này cho người khác thì anh cũng đồng ý. Sau đó hai bên làm Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/02/2023

(lúc này hợp đồng chưa ghi tên người cho vay), anh và mẹ ký tên, lăn tay ở mục bên vay, hẹn đến ngày 12/3/2023 sẽ trả. Sau này anh biết bà Y chuyển giao số tiền này cho con bà là anh Lê Trí M (đứng tên bên cho vay) thì anh cũng thống nhất.

Khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận miệng là trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; anh có trả lãi cho cho bà Y nhưng trả bao nhiêu thì anh không nhớ rõ.

Việc vay mượn tiền, mẹ anh là bà N không biết gì, nhưng khi chót nợ thì mẹ cũng thống nhất cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh nên nay anh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M là anh và mẹ là bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trí M số tiền gốc là 300.000.000 đồng; còn tiền lãi thì yêu cầu anh M bỏ bớt phần tiền lãi, vì hiện anh đang nợ nhiều người; tuy nhiên nếu anh M không đồng ý thì anh cũng đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật. Đối với tiền lãi anh đã trả cho bà Y (mẹ của M) do hai bên tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu khấu trừ lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị N đã trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Đặng Hoàng A. Anh A là người trực tiếp thỏa thuận vay tiền với anh M và bà Y (mẹ của anh M). Đến ngày 12/02/2023 thì bà Y có đến nhà làm giấy chót nợ với A, bà Y nói bà là mẹ nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ với A, thì bà cũng đồng ý nên bà cùng anh A ký tên, lăn tay vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/02/2023, hẹn đến ngày 12/3/2023 sẽ trả nhưng từ đó cho đến nay thì bà và anh A không có khả năng trả nợ và cũng chưa trả được số tiền nào cho anh M.

Nay anh Lê Trí M khởi kiện yêu cầu trả tiền, bà tuy không nhận tiền nhưng bà xác định đã ký giấy vay tiền và thương con nên bà đồng ý là bà và anh A cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trí M số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D, bị đơn là bà N chấp hành theo quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng anh A vắng mặt không lý do nên Tòa

án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 288, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trí M đối với anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N. Buộc anh A và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh M số tiền vay là 300.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 13/3/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Về án phí: Anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh M khởi kiện yêu cầu anh A và bà N trả tiền nợ vay là tranh chấp về hợp đồng được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông D (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng anh A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trí M thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình làm việc, anh A cho rằng không trực tiếp vay tiền của anh M mà vay của bà Nguyễn Thị Hồng Y, tuy nhiên việc bà Y chuyển giao số tiền này sang cho anh M (bên cho vay) thì anh cũng thống nhất, nên anh thừa nhận có vay và hiện còn nợ anh M số tiền gốc là 300.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/02/2023. Bà N cho rằng không trực tiếp vay mượn tiền của anh M, nhưng khi chốt nợ thì bà biết, bà có ký tên vào hợp đồng cho vay tiền và đồng ý cùng với anh A có nghĩa vụ trả cho anh M số tiền gốc là 300.000.000 đồng; lời thừa nhận của bị đơn là phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp nên đây là sự kiện có thật không phải chứng minh được qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, cần buộc anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trí M số tiền gốc là 300.000.000 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi từ ngày 13/3/2023 (sau ngày hết hạn trả tiền) cho đến ngày xét xử (ngày 20/7/2023) với mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, qua làm việc anh Hoàng A và bà N cũng đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật cho anh M nên ghi nhận.

Cụ thể: Từ ngày 13/3/2023 đến ngày 20/7/2023 là 04 tháng 7 ngày $\times$ 0,83%/tháng $\times$ 300.000.000 đồng = 10.541.000 đồng.

Do đó buộc anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Trí M số tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/7/2023 là 10.541.000 đồng.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470, 288 của Bộ luật dân sự; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trí M đối với anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Trí M số tiền là 310.541.000 (ba trăm mười triệu năm trăm bốn mươi một nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/7/2023 là 10.541.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lê Trí M, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Đặng Hoàng A phải chịu 7.763.500 (bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà N là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo qui định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho anh Lê Trí M số tiền tạm ứng án phí nộp là 7.625.000 (bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023024 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lê Trí M, anh Đặng Hoàng A và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy An